TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày 20-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 323/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Danh T, sinh năm 1999 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh K; Nơi ở: Không có nơi ở ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Khơme; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Huỳnh Văn P; Mẹ: Thị Bích P; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 04-9-2020 (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 tại thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, Phường T, Quận X, thành phố C; Nơi ở: Không có nơi ở ổn định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn Lu; Mẹ: Nguyễn Thị H; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 14-10-2020 (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: 30/8 N, Phường X, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Mai Văn H, sinh năm 1985 và anh Mai Văn L, sinh năm 1990; cùng trú tại: Ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 10-10-2019, Danh T và Nguyễn Văn L ngủ tại nhà bà ngoại của Tài ở khu bãi rác Phước Cơ, Phường 12, thành phố Vũng Tàu. Khoảng 08 giờ ngày 11-10-2019, Danh T ngủ dậy thì phát hiện xe máy Yamaha Sirius màu đỏ BKS 49M4-5272, số máy 5C63-297541; số khung C630AY297486 của anh Vũ Văn H dựng cạnh nhà, không khóa cổ. Lúc này, T đi đến chỗ chiếc xe và sử dụng chìa khóa xe Wave của Tài đưa vào vặn ổ khóa xe mô tô của anh H thì khởi động được xe nên Tài quay vào nhà rủ Nguyễn Văn L thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe của anh H, L đồng ý. Sau khi lấy được xe, Tài điều khiển xe vừa lấy trộm, L điều khiển xe của Tài và đem xe vừa trộm để mang đi bán; T và L đi đến thị xã Phú Mỹ rồi gửi xe wave của T ở nhà bạn của L. Sau đó, T và L đến nhà của người tên Mai Văn L (tên thường gọi Thanh) ở ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để chơi. Tại đây, T thỏa thuận bán xe cho L và yêu cầu với giá 3.000.000 đồng nhưng L chỉ đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng và lúc hỏi mua T không nói xe do lấy trộm, nên L không biết. Sau đó L lại thỏa thuận và bán xe máy mà T trộm cho anh trai của mình tên là Mai Văn H, ấp 6, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; và anh H lại tiếp tục đem bán cho một người không rõ lai lịch ở chợ Thủ Đức với giá 2.000.000 đồng; Sau khi T và L bán xe được 2.000.000 đồng, T chia cho L 1.000.000 đồng nhưng L không nhận nên T kêu L chở Thanh đi mua ma túy để sử dụng. Vài ngày sau L đi ra Mỹ Xuân làm, đến ngày 02-11-2019 L bị Công an xã Mỹ Xuân bắt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đi cai nghiện bắt buộc. Ngày 04-9-2020, Danh T đã đến Công an Phường 12, thành phố Vũng Tàu đầu thú về hành vi vi phạm như trên. Ngày 17-9-2020, L ra khỏi cơ sở cai nghiện và biết Tài đã bị bắt nên ngày 14-10-2020, L đến Cơ quan Công an đầu thú về hành vi đã cùng Tài trộm cắp tài sản vào ngày 11/10/2019;

Theo Kết luận định giá tài sản số 168/KL-HĐĐG-TTHS ngày 05-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố Vũng Tàu kết luận 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển số 49M4-5272 có giá trị là 2.700.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Danh T và Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Ngày 09-9-2020, Cơ quan CSĐT Công an TP Vũng Tàu đã ra thông báo truy tìm xe mô tô BKS 49M4-5272, số máy 5C63-297541 nhưng đến này vẫn chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận bồi thường nên không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 331/CT-VKSTPVT ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Danh T và bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Danh T và bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh T từ 6 đến 9 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 6 đến 9 tháng tù;

Các bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết quả định giá hay các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 08 giờ ngày 11-10-2019, tại khu vực bãi rác Phước Cơ, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, Danh T và Nguyễn Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 49M4-5272 của anh Vũ Văn H. Giá trị tài sản bị T và L chiếm đoạt là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Hành vi do các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình

sự.

Đối với anh Mai Văn L và Mai Văn H không biết tài sản đã mua là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét tính đồng phạm và vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng do bộc phát, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T là người rủ rê, lôi kéo bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp và giao dịch với L để bán tài sản trộm cắp được nên xác định vai trò của bị cáo T là chủ yếu, bị cáo L chỉ có vai trò giúp sức.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã trưởng thành, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài cá nhân; bản thân các bị cáo là con nghiện, riêng bị cáo L đã bị áp dụng biện pháp cai ngiện bắt buộc vào năm 2019 nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; các bị cáo đã ra đầu thú và bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo cho tốt, làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Không.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Danh T, Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Danh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14 tháng 10 năm 2020.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được niêm yết công khai) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo và các đương sự khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hồng Lợi